TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-ST
Ngày 15-9-2023
"V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Khánh, ông Y Dhiễu Hmok.

Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ Mi Niê Kđăm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 15-9-2023, tại Phòng xét xử, trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim C; địa chỉ: Đường N, phường B, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, văng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1987; địa chỉ: Đường L, phường B, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, có mặt

- Bị đơn: Bà Võ Thị H2, sinh năm 1970; địa chỉ: Đường M, tổ dân phố B, phường H, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà Phạm Thị Kim C và Võ Thị H2 có quan hệ quen biết với nhau, ngày 30/01/2015 (âm lịch) nhằm ngày 20/3/2015 (dương lịch), bà H2 vay của bà C số tiền là 68.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/11/2015 (âm lịch) tức ngày 09/01/2016 (dương lịch) sẽ trả.

Đến ngày 30/9/2015 (âm lịch), nhằm ngày 25/10/2015 (dương lịch) bà Võ Thị H2 tiếp tục vay bà C số tiền là 76.000.000 đồng và hẹn đến ngày 14/12/2015 (âm lịch), nhằm ngày 23/01/2016 (dương lịch) sẽ trả. Tổng hai lần vay là 144.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. khi vay có viết giấy vay tiền (có chữ ký của bà Võ Thị H2). Đã quá hạn như đã cam kết nhưng bà H2 vẫn không thực hiện việc trả nợ cho bà C, nên bà C làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét buộc bà Võ Thị H2 trả nợ cho bà C cụ thể như sau: Đối với khoản vay ngày 20/3/2015 là 118.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là: 68.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 20/3/2015 đến ngày 20/8/2022 là 89 tháng x 68.000.000 đồng x 10% = 50.000.000 đồng.

Đối với khoản vay ngày 25/10/2015 là 126.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là: 76.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 25/10/2015 đến ngày 25/8/2022 là 82 tháng x 76.000.000 đồng x 10% = 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị H2 trả nợ là 244.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 144.000.000 đồng, nợ lãi 100.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi bà Võ Thị H trả nợ xong.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Kim C xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ 68.000.000 đồng, chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị H2 phải trả số tiền là 76.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Bà Phạm Thị Kim C chỉ yêu cầu bà Võ Thị H2 phải có nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ là chồng bà H2 là phải liên đới trả nợ và yêu cầu bà H2 tiếp tục tính lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Toà trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Võ Thị H2.

- Bị đơn bà Võ Thị H2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt bà Võ Thị H2 theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, còn đối với Bị đơn mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc Toà án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tiếp tục tính lãi suất cho đến khi bị đơn trả xong nợ.

Tại phiên toà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ngày 23-9-2022 Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 29-9-2022 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 30-9-2022 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật về *"Tranh chấp hợp đồng dân sự"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án đã tống đạt cho bị đơn thông báo thụ lý vụ án và thông báo kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tuy nhiên bà H2 không ký nhận. Theo yêu cầu của nguyên đơn Toà án đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà H2 và mở phiên tòa. Do bà H2 vắng mặt đến lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào 30/9/2015 (âm lịch), nhằm ngày 25/10/2015 (dương lịch) bà Võ Thị H2 vay bà C số tiền là 76.000.000 đồng và hẹn đến ngày 14/12/2015 (âm lịch), nhằm ngày 23/01/2016 (dương lịch) sẽ trả, hiện nay đã quá hạn trả nợ theo thoả thuận, mặc dù bà C nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà H2 cố tình trốn tránh là vi phạm quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Tòa án đã trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của bà Võ Thị H2 trong giấy vay tiền đề ngày 13/9 (âm lịch). Tại Kết luận giám định số 679/KL-KTHS ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết họ tên Võ Thị H2 trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ viết họ tên Võ Thị H2 trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2, M3, **do cùng một người viết ra**.

Như vậy, việc bà C khởi kiện yêu cầu bà H2 phải trả số tiền đã vay là 76.000.000 đồng là có căn cứ, nên HĐXX cần chấp nhận.

[5] Việc bà C rút yêu cầu đối với khoản vay 68.000.000 đồng và tổng lãi suất, HĐXX thấy việc bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về chi phí giám định: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà C yêu cầu trưng cầu giám định và nộp tạm ứng số tiền 6.000.0000 đồng, chi phí giám định là 5.680.000 đồng (đã chi phí). Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà C là có căn cứ nên bà C không phải chịu tiền chi phí giám định. Hoàn trả cho bà C tiền chi phí giám định và số tiền 320.000 đồng tiền tạm ứng còn lại sau chi phí (đã hoàn trả).

Bà Võ Thị H2 phải chịu tiền chi phí giám định là phù hợp với các Điều 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Võ Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim C, buộc bà Võ Thị H2 phải trả cho bà Phạm Thị Kim C số tiền nợ gốc là 76.000.000 đồng.

Kể từ ngày 16/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định: Áp dụng Điều 161, Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Võ Thị H2 phải chịu 5.680.000 đồng tiền chi phí giám định. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim C số tiến 5.680.000 đồng sau khi thu được của bà Võ Thị H2.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Võ Thị H2 phải chịu 3.800.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim C số tiền 6.100.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0018176 ngày 30/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trương Kim Chung

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND thị xã Buôn Hồ;*
- *Chi cục THADS thị xã B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP Tòa án.*